

MỤC IV: NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 10.— Việc đăng ký sinh, tử, kết hôn do Ủy ban Hành chính các cấp phụ trách. Ở khu, tỉnh, huyện, châu thì Chủ tịch phân công ủy viên phụ trách nội chính đảm nhiệm, có thư ký giúp việc.

Ở xã thì Phó Chủ tịch hoặc ủy viên nội chính phụ trách, có thư ký văn phòng ủy ban giúp việc biên chép.

Giấy chứng nhận, sổ sách hộ tịch do ủy viên phụ trách hộ tịch ký và đóng dấu ủy ban. Nếu đi vắng thì ủy quyền cho ủy viên thường trực ký thay.

Điều 11.— *Sổ sách:* Mỗi loại việc hộ tịch phải đăng ký vào mỗi thứ sổ riêng. Mỗi thứ sổ có hai quyển. Sổ và bản sao, in bằng quốc ngữ, chưa thêm chữ địa phương nếu có, và dùng với mẫu kèm theo bản điều lệ chung do nghị định số 764-TTg ngày 8-5-1956 của Thủ tướng phủ ban hành.

Cách ghi chép: Trong các sổ sách giấy tờ hộ tịch không được viết chữ tắt, không được tẩy xóa hoặc chữ nọ đè lên chữ kia, không được viết hai thứ mực. Ngày, tháng, năm sinh, tử, kết hôn không được viết bằng chữ số. Nếu có sửa chữa thì phải chú thích ở dưới là xóa hay thêm mấy chữ và do ủy viên phụ trách ký nhận.

Khi ghi chép xong, phải đọc lại cho người khai và người làm chứng nghe, nhận là đúng và ký tên, nếu không ký tên được thì không phải điểm chỉ, ông ủy viên phụ trách hộ tịch ghi là không biết chữ.

Cấp phát bản sao: Khi đăng ký xong, Ủy ban Hành chính cấp ngay một bản sao đầu tiên không lấy tiền.

Lưu trữ và bảo quản sổ sách: Đến cuối năm, sau khi khóa sổ, Ủy ban Hành chính xã giữ tại xã một quyển sổ còn một quyển thì gửi lên Ủy ban Hành chính cấp trên. Ở khu Tự trị Thái — Mèo thì gửi lên Ủy ban Hành chính châu, ở các nơi khác thì gửi lên Ủy ban Hành chính tỉnh. Những sổ này phải được bảo quản chu đáo và có ngăn nắp.

Điều 12.— Đối với những việc sinh, tử, kết hôn xảy ra trước hay sau ngày ban hành điều lệ này mà chưa đăng ký đúng hạn thì có thể xin đăng ký quá hạn. Nếu đã đăng ký rồi mà sổ sách giấy tờ bị thất lạc không xin được bản sao thì có thể xin đăng ký lại. Người đương sự xin đăng ký với Ủy ban Hành chính xã nơi hiện đang cư trú và phải có một người làm chứng hay một giấy chứng nhận do trưởng xóm cấp.

Ban hành kèm theo nghị định số 106-NV ngày tháng 4 năm 1958.

Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thủ trưởng

TÔ QUANG ĐÀU

THÔNG TƯ số 30-NV-DC Ngày 14-4-1958 về việc thi hành điều lệ đăng ký hộ tịch đơn giản tại vùng dân tộc ít người.

Kính gửi: U.B.H.C. Khu tự trị Việt bắc,
U.B.H.C. Khu tự trị Thái — Mèo,
Ban Cán sự Hành chính Lao — Hà — Yên,
U.B.H.C. Khu Hồng Quảng,
U.B.H.C. Khu 3,
U.B.H.C. Khu 4,
U.B.H.C. các tỉnh trong Khu Tự trị Việt bắc và Khu Lao — Hà — Yên,
U.B.H.C. tỉnh Hải Ninh, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình,

Do nghị định số 106-NV ngày 4-4-1958, Bộ vừa ban hành bản điều lệ đăng ký hộ tịch đơn giản áp dụng tại vùng dân tộc ít người. Bản điều lệ này châm chước một số điều trong bản điều lệ đăng ký hộ tịch chung (đã được ban hành trước đây do nghị định của Thủ tướng phủ số 764-TTg ngày 8-5-1956) cho thích hợp với phong tục tập quán, trình độ của các dân tộc ít người. Những điểm châm chước chính như dưới đây:

1. — Thời hạn khai sinh cũng như khai tử được nới rộng là 45 ngày.

2. — Khi có việc sinh hay việc tử, nhân dân đến báo với trưởng xóm. Trưởng xóm sẽ thay mặt người đương sự đến U.B.H.C. xã xin đăng ký. Trường hợp ở gần trụ sở U.B.H.C., thì người đương sự trực tiếp khai báo và đăng ký với U.B.H.C. xã. Quy định như thế là để cho nhân dân khai báo được dễ dàng và khi có việc là đi khai ngay.

3. — Khi khai sinh, nếu là cha mẹ đứng khai thì không phải có giấy chứng sinh hay người làm chứng. Cả đến trường hợp thân nhân (như ông bà nội ngoại, chú, bác, cô, cậu, anh, chị ruột của đứa trẻ) đứng khai cũng được miễn giấy chứng sinh hoặc người làm chứng.

— Về khai tử, thì không quy định nguyên tắc phải xin phép mai táng và thời hạn xin phép mai táng mà chỉ yêu cầu rằng trước khi chôn cất phải đến báo với trưởng xóm để trưởng xóm đến U.B.H.C. xã xin đăng ký tử.

— Trong việc khai kết hôn, không quy định thủ tục phải báo trước 8 ngày. Khi nào thành vợ thành chồng, đôi nam nữ đến U.B.H.C. xã xin đăng ký. Nếu cả hai nam nữ đều trên 18 tuổi thì không buộc phải có hai người chứng cùng ký vào sổ khai kết hôn.

4. — Chưa quy định kỷ luật đối với người khai chậm.

Bộ nêu những điểm châm chước chính trên đây để giúp Ủy ban thấy được tinh thần đơn giản

của bản điều lệ này so với bản điều lệ chung. Còn những điều khác như cách thức đăng ký, mẫu mực sổ sách, cách ghi chép, cấp phát, lưu trữ bảo quản, v.v... thì đều giống như đã quy định trong bản điều lệ chung và các thông tư tiếp theo. Cho nên, để hiểu rõ thêm về bản điều lệ này, xin Ủy ban xem lại những thông tư, chỉ thị giải thích chung về công tác đăng ký hộ tịch đã ban hành từ trước đến nay (thông tư số 6-NV/DC/TT ngày 25-5-1956 đăng trong Công báo số 14 tháng 6 năm 1956 — thông tư số 11-HTTK ngày 27-6-1956 — chỉ thị số 2569-HTTK ngày 14-5-1957 — chỉ thị số 3484-HTTK ngày 27-6-1957 đăng trong Công báo số 45 tháng 11 năm 1957).

Trước khi đi vào quy định cụ thể về thủ tục đăng ký, bản điều lệ này nêu lên mục đích, ý nghĩa của công tác đăng ký hộ tịch, lợi ích và nhiệm vụ của nhân dân trong việc khai hộ tịch; Ủy ban có thể dựa vào đó làm cơ sở nội dung tuyên truyền, giải thích điều lệ, khuyến khích nhân dân đi khai báo, đăng ký, phối hợp với việc vận động đời sống mới, công tác bình dân học vụ, vệ sinh phòng bệnh, v.v... Đối với cán bộ xã xóm, thì có thể tuyên truyền phổ biến điều lệ qua các lớp huấn luyện hành chính; đối với nhân dân, một cách làm việc có hiệu quả hơn hết là khi trong xóm có một việc sinh tử hay kết hôn thì cán bộ xã xóm đơn đốc nhắc nhở nhân dân đi khai. Lúc đầu cán bộ phải tự mình đến tận nhà hướng dẫn cách thức khai báo để tập cho nhân dân quen với việc khai hộ tịch. Khi nhân dân khai, trưởng xóm chú ý biên chép đầy đủ những điểm đã nêu sẵn trong mẫu sổ đăng ký hộ tịch như tên, họ, tuổi, nghề nghiệp, ngày tháng năm, v.v...; khi đến Ủy ban Hành chính xã thì xin đăng ký ngay và lúc về thì trao liền bản sao cho người đương sự.

Bản điều lệ này cần được thi hành sớm.

Phạm vi thi hành là toàn thể vùng nông thôn của Khu Tự trị Thái — Mèo, Khu Tự trị Việt-bắc, Khu Lào-Hà-Yên, hai tỉnh Hải-ninh, Hòa-bình (các thị xã vẫn áp dụng điều lệ chung như hiện nay) và một số huyện miền núi của Khu Hồng-Quảng và của ba tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an, Quảng-bình theo quyết định của Ủy ban Hành chính Khu Hồng-Quảng và Ủy ban Hành chính Khu 4.

Hình thức công bố thi hành là một quyết định và một thông cáo của Ủy ban Hành chính tỉnh. Hai văn bản này có tác dụng vừa là cơ sở pháp lý công bố điều lệ vừa là tài liệu tuyên truyền giải thích điều lệ. Khi đặt kế hoạch công bố thi hành điều lệ, xin Ủy ban lưu ý đến nhiệm vụ và phương châm công tác đăng ký hộ tịch trong năm 1958 đã đề ra trong chỉ thị số 7431-DC/HTTK ngày 30-12-1957 của Bộ như sau đây: « Ở miền núi,

tuyên truyền phổ biến điều lệ cho tất cả các dân tộc hiểu rõ mục đích ý nghĩa, tập cho cán bộ và nhân dân quen với việc đăng ký, khởi đầu ở thị xã, sau lan dần đến nông thôn, kể đó đến rẻo cao ». Theo kinh nghiệm vừa qua, để điều lệ được thi hành tốt, cần phải chuẩn bị đầy đủ như là tuyên truyền phổ biến điều lệ trong cán bộ và nhân dân, in và phân phối sổ sách cho khắp các xã, chấn chỉnh tổ chức thi hành, cụ thể là bồi dưỡng cho cán bộ xã xóm có tinh thần trách nhiệm và hiểu biết điều lệ, cách thức ghi chép cấp phát.

Từ nay đến cuối tháng 6 năm 1958, xin Ủy ban báo cáo cho Bộ biết kết quả về việc công bố thi hành, việc quy định phạm vi áp dụng bản điều lệ này và cách thức tổ chức việc đăng ký cấp phát.

Kèm theo một bản sao nghị định số 106-NV ngày 4-4-1958 và một bản điều lệ đăng ký hộ tịch đơn giản vùng dân tộc ít người.

Hà-nội, ngày 14 tháng 4 năm 1958

T.L. Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Phó Giám đốc Vụ Dân chính

DIỆP BA

NGHỊ ĐỊNH số 172-NV Ngày 17-5-1958 chia xã Lan máu thuộc huyện Yên dũng tỉnh Bắc giang làm ba xã.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ sắc lệnh số 198-SL ngày 13 tháng 8 năm 1948 về việc thành lập và sửa đổi địa giới các xã, thị xã;

Căn cứ thông tư số 972 ngày 19 tháng 7 năm 1956 của Thủ tướng phủ về việc giao bốn lĩnh Phú-thọ, Bắc-ninh, Bắc-giang, Vĩnh-phúc trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Ủy ban Hành chính lĩnh Bắc-giang;

Xét vì việc chia xã Lan máu thuộc huyện Yên-dũng có lợi cho sinh hoạt của nhân dân và sự lãnh đạo công tác chính quyền của địa phương;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay chia xã Lan máu, thuộc huyện Yên dũng, tỉnh Bắc giang làm ba xã:

— Xã Lan máu, gồm các xóm: Trung an, Trung hầu, Chính thượng, Chính hạ, Lan-hoa, xóm Mười.

— Xã Lao ho, gồm các xóm: Liên sơn, Thương tung, Quyết-tiến, Toàn thắng.

— Xã Đại làm, gồm các xóm: Biếc, Tiến, Hậu, Lai và thôn Đại giáp.